

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/HS-ST.

Ngày: 24-02-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba.

Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:**
Ông Lương Duy Hải – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13/2023/HSST-QĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Thị Kim L, sinh năm 1970 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Nơi sinh sống: Khu phố S, phường AT, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); Có chồng là Trần N1 (đã ly hôn), có 02 con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2002).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 16/8/2022 chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành (có mặt).

- **Bị hại:** Ông Trần Quý N, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Tổ 6, khu B, Ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- **Người làm chứng:**

+ Ông Trần N1, sinh năm 1970 (có mặt).

+ Bà Trần Thị Ánh N2, sinh năm 1975 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 00 phút, ngày 07/10/2008, ông Trần Quý N đi đến nhà của ông Trần N1 (em của ông N) ở ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai để trao đổi công việc. Do ông N1 không có nhà nên ông N đi đến quán nước “TM” do bà Trần Thị Ánh N2 làm chủ ở gần nhà ông N1 uống nước và đợi ông N1 về. Cùng thời điểm này, Trần Thị Kim L (vợ của ông N1, đang ly thân) cũng đi đến tìm ông N1. Tại đây, L cho rằng ông N có hành vi sàm sỡ (sờ mông) L nên L bực tức cầm vỏ chai nước ngọt bằng thủy tinh có sẵn trên bàn đập nhiều cái vào vùng đầu, mặt của ông N gây thương tích. Cùng lúc này, ông N1 vừa đi về nhìn thấy sự việc nên can ngăn thì L bỏ đi về, còn ông N đi đến cơ sở y tế cấp cứu điều trị vết thương. Sau khi phạm tội, L bỏ trốn đến ngày 16/8/2022 bị bắt giữ theo Quyết định truy nã.

Quá trình điều tra, ông N xác nhận có cự cãi với L nhưng ông cho rằng ông không có hành vi sàm sỡ L như L trình bày.

Tại Bản giám định pháp y số 1223/GDPY/2008 ngày 10/10/2008 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, kết luận thương tích của ông Trần Quý N như sau:

Chấn thương đầu, mặt do vật tày.

- Để lại dấu sưng nề vùng đỉnh phải.

○ X- Quang: Không thấy tổn thương sọ.

○ Đo điện não: Hội chứng suy nhược thần kinh sau chấn thương đầu.

○ Tỷ lệ 10%.

- Sưng bầm quanh mắt phải và gò má phải.

○ X- Quang: Gãy xương hàm gò má và cung tiếp phải.

○ Khám mắt: Thị lực hai mắt: 10/10, đáy mắt bình thường.

○ Tỷ lệ: 21%

Dập môi trên và lung lay hai răng cửa hàm trên. Tỷ lệ: 01%.

Tỷ lệ thương tật toàn bộ là: 30%.

Tại văn bản số 103/TTPY/2023 ngày 22 /02/2023 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế Đồng Nai trả lời về trường hợp giám định thương tích của ông Trần Quý N:

- Tổn thương gãy xương hàm gò má và cung tiếp phải (vận dụng Chương X mục 6): Tỷ lệ 21%.

- Chấn thương đầu gây sưng nề vùng đỉnh để lại suy nhược thần kinh, rối loạn giấc ngủ, giảm trí nhớ (vận dụng Chương IV mục 4): Tỷ lệ 10%.

- Chấn thương dập môi trên và lung lay 2 răng cửa (vận dụng Chương XI mục 1 khoản a): Tỷ lệ 01%.

Tổng tỷ lệ thương tật toàn bộ: 30% (ba mươi phần trăm).

Vật chứng thu giữ: Các mảnh vỡ của chai thủy tinh không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại ông Trần Quý N có yêu cầu bị cáo bồi thường nhưng sau đó ông N không yêu cầu bồi thường và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho L.

Tại Cáo trạng số 196/CT-VKSLT ngày 27/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo Trần Thị Kim L về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Thị Kim L về tội “Cố ý gây thương tích”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Thị Kim L với mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận có dùng vỏ chai thủy tinh đánh vào vùng đầu và mặt ông N 03 cái nhưng tỷ lệ thương tích 30% là quá nặng, xin Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Kim L đã khai nhận vào lúc 18 giờ 00 phút, ngày 07/10/2008 tại quán nước “TM” do bà Trần Thị Ánh N2 làm chủ ở ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai, do bức tức vì cho rằng ông Trần Quý N có hành vi sàm sỡ (sờ mông) của mình, nên bị cáo đã sử dụng 01 vỏ chai thủy tinh đập nhiều cái vào đầu và mặt ông N gây thương tích nhưng bị cáo cho rằng kết luận giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông N không đến 30%.

Đối với ý kiến của bị cáo L cho rằng ông N có hành vi sàm sỡ, sờ mông bị cáo nhưng ông N không thừa nhận có hành vi sàm sỡ bị cáo và bị cáo cũng không có căn cứ chứng minh cho ý kiến trình bày của mình.

Đối với ý kiến của bị cáo cho rằng kết luận giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông N không đến 30% nhưng bị cáo không có căn cứ chứng minh cho ý kiến trình bày của mình. Tòa án đã yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành bổ sung tài liệu chứng cứ và Tòa án đã yêu cầu Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai giải thích kết luận giám định tại Bản giám định pháp y số 1223/GDPY/2008 ngày 10/10/2008.

Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Đồng Nai đã trả lời trường hợp giám định thương tích của ông N theo văn bản số 103/TTPY/2023 ngày 22/02/2023 xác định tổng tỷ lệ thương tật toàn bộ của ông N là 30% (ba mươi phần trăm). Do đó, ý kiến của bị cáo cho rằng tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông N không đến 30% là không có căn cứ.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét thấy, khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định khung hình phạt từ 02 (hai) năm đến 07 (bảy) năm tù là nặng hơn khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định khung hình phạt từ 02 (hai) năm đến 06 (sáu) năm tù.

Như vậy, mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trước khi Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực thi hành tuy nhiên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm b, điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để xét xử và quyết định hình phạt đối bị cáo thể hiện tính chất nhân đạo của pháp luật.

Do đó, hành vi của bị cáo cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành phải ra quyết định truy nã mới bắt được bị cáo.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Thị Kim L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ điểm b, điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 16/8/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Thị Kim L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thị Kim L, bị hại Trần Quý N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Công an huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Bị cáo, Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, BP, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Minh Hoàng